

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**  
**(lần 2)**

## QUYẾT ĐỊNH

### **Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số ...../TTr-SNNMT ngày.....tháng ..... năm 2026.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Phụ lục kèm theo).

2. Quyết định này áp dụng đối với các sở, ngành, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, 03 phường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi và Trần Liễu (là

phường được thành từ sắp xếp đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025) và đặc khu Cát Hải thực hiện xây dựng nông thôn mới đảm bảo đáp ứng từ 70% trở lên số nội dung tiêu chí (trong đó có các nội dung tiêu chí: Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người; có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương; có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương; tỷ lệ nghèo đa chiều; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; đảm bảo an toàn thực phẩm) yêu cầu đối với xã nhóm 1 của Quyết định này và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Các sở, ngành, đoàn thể thành phố**

a) Căn cứ chức năng quản lý nhà nước và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, nội dung thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đối với lĩnh vực do sở, ngành, đoàn thể thành phố quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, nội dung tiêu chí đối với lĩnh vực sở, ngành, đoàn thể thành phố được phân công phụ trách.

### **2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (là cơ quan thường trực):**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể thành phố liên quan đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, 03 phường và đặc khu Cát Hải triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể thành phố liên quan và các địa phương nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung bộ tiêu chí nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Ủy ban nhân dân các xã, 03 phường và đặc khu Cát Hải căn cứ Bộ tiêu chí này và văn bản hướng dẫn của các sở, ngành, đoàn thể thành phố, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo từng năm và cả giai đoạn. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng, hằng năm) và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo thành phố, cơ quan Thường trực Chương trình (Sở Nông nghiệp và Môi trường) và Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố.

4. Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố tham mưu Ban Chỉ đạo thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng sở, ngành, đoàn thể thành phố; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, 03 phường, đặc khu Cát Hải và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ NN&MT (*báo cáo*);
- VPĐP NTM Trung ương (*báo cáo*);
- TTTU (*báo cáo*);
- TTHĐND thành phố (*báo cáo*);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Thành viên BCĐ Chương trình;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng HĐND thành phố;
- LĐVP UBND Thành phố;
- Công TTĐT, Công báo thành phố;
- Báo và PTTH Hải Phòng;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Các phòng: KSTTHC, NC&KTGS; NN&TNMT;
- Lưu: VT, SNN&MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**DỰ THẢO BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Cơ quan phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	- Quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch chung đô thị đảm bảo tuân thủ pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nội dung công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch quy định tại Điều 50 và Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.		Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	- Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới bảo đảm tuân thủ pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn. - Quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	- Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn của thành phố phải đảm bảo tuân thủ pháp luật về kiến trúc. - Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.		

2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$ ; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định.</li> <li>- Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa.</li> <li>- Có 100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.</li> <li>- Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường.</li> <li>- Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa);</li> <li>- Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định.</li> <li>- Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt.</li> <li>- Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế; bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết.</li> <li>- Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường.</li> <li>- Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa).</li> <li>- Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì.</li> </ul>	Sở Xây dựng
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$ , có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$ , có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	

		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	≥99%	≥99%	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	<p>- Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo TCVN 11856:2017 đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 3 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương.</p> <p>- Có siêu thị hạng 3 trở lên theo quy định tại Mục 2a Phụ lục II kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương.</p>	<p>- Có chợ đạt tiêu chí quy định tại Mục 1 Phụ lục II và đáp ứng các Yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại Mục 4 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương.</p> <p>- Có chợ đạt tiêu chí quy định tại Mục 1 Phụ lục II và chợ có ít nhất 01 khu vực kinh doanh đáp ứng Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ quy định tại Mục 5 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương.</p> <p>- Có siêu thị mini trở lên theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương.</p>	Sở Công Thương
				<p>Đối với xã không có hoặc chưa có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch hoặc đã có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa đầu tư xây dựng thì xem xét, đánh giá không đạt về Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</p>		

		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	<p>- Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.</p> <p>- Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn các thôn thuộc xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.</p>		Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	12%	10,5%	Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Thống kê thành phố
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	Có ít nhất 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ít nhất 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường

		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030.</li> <li>- Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên.</li> <li>- Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.</li> </ul>		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP.</li> <li>- Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).</li> </ul>		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính	
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	$\geq 01$	Không quy định		Đạt từ 70 điểm trở lên theo bảng điểm đánh giá hiệu quả của Tổ khuyến nông cộng đồng Theo Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	Hội Nông dân thành phố	

		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	$\geq 01$	$\geq 01$	$\geq 01$	Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và MT
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đảm bảo đạt các yêu cầu: (1) Về cơ sở vật chất văn hóa; (2) Về hoạt động văn hóa cơ sở; (3) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; (4) Về di sản văn hóa; (5) Về chuyển đổi số, dữ liệu số và (6) Về nhân lực quản lý văn hóa.		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS) hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia.</li> <li>- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.</li> <li>- Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi.</li> <li>- Giáo dục bắt buộc hết THCS.</li> <li>- Tối thiểu 95% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông (THPT) và tương đương.</li> <li>- Tối thiểu 90% học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT và các trình độ khác.</li> <li>- Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số.</li> <li>- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 90% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia.</li> <li>- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.</li> <li>- Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi.</li> <li>- Giáo dục bắt buộc hết THCS.</li> <li>- Tối thiểu 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT và tương đương.</li> <li>- Tối thiểu 85% học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT và các trình độ khác.</li> <li>- Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số.</li> <li>- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.</li> </ul>	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	

		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 1,5\%$	$\leq 2\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	Sở Xây dựng
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	$\geq 95\%$ (Trong đó tối thiểu 95% hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	$\geq 90\%$ (Trong đó tối thiểu 90% hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	Đạt	Hàng năm, mỗi Hội LHPN xã hỗ trợ ít nhất 20 hộ gia đình đạt tiêu chí gia đình “5 không, 3 sạch, 3an”		Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố

	6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
	6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	≥90%	≥90%	Sở Y tế
	6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ

7	Khoa học công nghệ và Chuyên đổi số	7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 95% hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường (NN và MT) của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc.</li> <li>- 100% hồ sơ, tài liệu công việc về NN và MT phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ.</li> <li>- 100% thủ tục hành chính về NN và MT cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về NN và MT của xã.</li> <li>- Tối thiểu 95% số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về NN và MT của xã.</li> <li>- Tối thiểu 95% khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về NN và MT của xã.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 85% hồ sơ công việc về NN và MT của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc.</li> <li>- 100% hồ sơ, tài liệu công việc về NN và MT phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ.</li> <li>- 100% thủ tục hành chính về NN và MT cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về NN và MT của xã.</li> <li>- Tối thiểu 85% số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về NN và MT của xã.</li> <li>- Tối thiểu 85% khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về NN và MT của xã.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	$\geq 01$ mô hình	$\geq 01$ mô hình	$\geq 01$ mô hình	Sở Khoa học và Công nghệ

8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$ ; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 85\%$ ; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 45\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$ ; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường;</li> <li>- Tối thiểu 50% nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung); Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên;</li> <li>- Có tối thiểu 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường;</li> <li>- Tối thiểu 50% nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung); Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên.</li> </ul>	Sở Xây dựng
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ

	trị và Hành chính công	9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND thành phố
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</li> <li>- Có tối thiểu 02 hoạt động thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.</li> <li>- Có tối thiểu 85% các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành.</li> </ul>		Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Công an thành phố
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ theo đúng quy định của Luật Dân quân tự vệ, các Nghị định, Thông tư, Hướng dẫn về Dân quân tự vệ; Quyết định hằng năm của UBND thành phố về việc tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ thành phố Hải Phòng và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.		Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố